

Phẩm 2: DU BỘ

Bấy giờ, Bồ-tát Di-lặc liền từ chỗ ngồi đứng dậy, sửa pháp y, trích bày vai phải, gối phải quỳ sát đất, thưa Thế Tôn:

–Lành thay! Lành thay! Như Lai đã giảng nói pháp không thể nghĩ bàn. Nay trong chúng đây có vị thấy đạo, có vị chưa thấy đạo, có vị trụ vào địa Tín, có vị chưa trụ vào địa Tín, có Bồ-tát từ cõi trời Quang Âm, trời Hạp, trời Ba Lợi Đà, trời A Ba Na Ma, trời A Hội Đản Tu, trời Đạo A, trời Tu Càn, trời Tu Thất Kỳ Nhục, trời Kiết Na, cho đến trời Nhất Cứu Cánh, trời Hóa Tự Tại, trời Tha Hóa Tự Tại. Hoặc có Bồ-tát ở Không xứ, Thức xứ, Bất dụng xứ, cho đến Phi tưởng, phi phi tưởng xứ. Các vị ấy làm sao nhập vào thai để giáo hóa?

Đức Thế Tôn dạy:

–Ông chớ nên hỏi như vậy. Vì sao? Vì Như Lai không bao giờ giảng nói nghĩa như thế. Ta nay hỏi ông, ông hãy trả lời ngay. Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Hư không có hình chất hay không có hình chất?

Bồ-tát Di-lặc trả lời:

–Bạch Thế Tôn! Không có hình chất.

Đức Thế Tôn hỏi:

–Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Nếu hư không không có hình chất thì tại sao chúng sinh có sinh, có già, có bệnh và có chết?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Thưa Thế Tôn! Với nhất nghĩa đế thì không có sinh, già, bệnh, chết. Do đó mà hư không không có hình chất.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu không có hình chất thì những chúng sinh này sao được thọ ký, ai là người được thọ ký? Vì sao Bồ-tát đến bên gốc cây, có lúc kinh hành, có lúc nhập định? Làm sao Bồ-tát quán thân tướng mình và quán thân tướng của người khác? Làm sao Bồ-tát hiện bày đi

bảy bước, tự xưng là thành Phật, chiến thắng quân ma? Và làm sao Bồ-tát tu tập nơi đạo tràng để độ chúng sinh trong mười phương?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đây cũng là vắng lặng không hình chất nên thân tướng của Như Lai cũng là giả danh, cho đến nghĩa nhất cử cánh đều không và không có sở hữu.

Phật hỏi Bồ-tát Di-lặc:

–Nếu Bồ-tát hành về “không” thì làm sao đi đến mười phương để giáo hóa chúng sinh?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Bồ-tát hành “không” thì không thấy quốc độ, cũng không thấy có Phật. Chính Phật là không Phật thì làm sao có Phật, có địa, thủy, hỏa, phong và thức giới? Vì ngã, người, thọ mạng đều là vắng lặng, do đó nên không có thai phần.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Ông ở cõi trời Ba Mươi Ba giảng nói pháp “không hành” cho các thiên chúng, trong số đó có ai thấy đạo và ai chưa thấy đạo?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Chúng trời ấy do tưởng về thường, tưởng về lạc, tưởng về tịnh, chấp ngã là tưởng về ngã, cho nên không có sự thấy đạo và cũng không có bậc thấy đạo.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Chư Thiên kia hành ấm hữu sắc hay hành ấm vô sắc? Ấm có báo ứng hay không báo ứng? Có ấm phá hữu hay không phá hữu? Có ấm thọ nhập hay không thọ nhập? Có ấm thanh hưởng hay không thanh hưởng? Có ấm trung gian hay không trung gian? Có ấm bỉ thử hay không bỉ thử? Có ấm cứu cánh hay không cứu cánh? Có ấm mặc nhiên hay không mặc nhiên? Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Ở cõi trời giảng nói pháp chân thật cho chúng trời, ông có nói về danh hiệu của các ấm ấy hay không?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn!

Không. Đức Thế

Tôn dạy:

–Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Chư Phật mười phương đã thọ ký cho ông thành tựu đạo quả Chánh chân vô thượng, như vậy có đạo Chánh chân hay không có đạo Chánh chân?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không có đạo Chánh chân. Nói có đạo Chánh chân thì đây cũng là giả danh. Gọi là Di-lặc cũng là giả danh. Như bản thể của tự tánh cũng là giả danh. Sắc thân của Như Lai, tự thân ấy là không tướng, tự tướng cũng không, gốc ngọn thì gốc ngọn không, bĩ thử

thì bĩ thử cũng không. Vậy làm sao biết chắc có danh hiệu là Di-lặc? Nói tánh thì tánh tự không, nói hữu thì chính hữu là không. Nói vô thì chính vô là không. Vô tự thường trụ, làm sao khiến nó bất trụ? Nói trụ thì chính trụ là không. Nói tự tướng thì tự tướng là không. Nói ấm thì chính ấm là không. Nói thai thì chính thai ấy là không, cho đến đạo tràng nói hành thì hành ấm không. Bạch Thế Tôn! Do đó không thấy đạo và chưa ai thấy đạo.

Phật lại bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Sự thấy đạo và sự không thấy đạo thì có quả chứng hay không có quả chứng? Là tánh hữu vi hay chẳng phải tánh hữu vi? Là tánh vô vi trong hữu vi hay tánh vô vi trong vô vi? Là tánh vô lậu trong hữu lậu hay tánh vô lậu trong vô lậu? Là tánh hữu tận trong cõi Dục hay tánh vô tận trong cõi Dục? Là tánh hữu tận trong cõi Sắc, cõi Vô sắc hay là tánh vô tận trong cõi Sắc, cõi Vô sắc? Không giới là tánh diệt thức hay không giới chẳng phải là tánh diệt thức? Cho đến hữu vi không, vô vi không, tự tánh không. Hữu cho hữu là không, vô cho vô là không, đại không, thủ không, một tướng, vô tướng không, Niết-bàn hữu dư không, Niết-bàn vô dư không, là tánh chứng đắc hay chẳng phải là tánh chứng đắc?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp chứng đắc chẳng phải là pháp, phi pháp cũng không phải là pháp chứng đắc.

Đức Phật dạy:

–Thế nào, này Bồ-tát Di-lặc! Nếu pháp hữu vi chẳng phải là vô vi, pháp vô vi chẳng phải là hữu vi, vậy sao ông nói pháp có chứng đắc là không chứng đắc và pháp không chứng đắc cũng không chứng đắc?

Bồ-tát Di-lặc bạch Phật:

–Bạch Thế Tôn! Theo đệ nhất nghĩa thì trong pháp hữu tướng, vô tướng, tìm cầu hữu vi chẳng phải là vô vi hay tìm cầu vô vi chẳng phải là hữu vi?

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Nay Ta hỏi ông: Căn luận chân thật, chẳng phải vô căn luận, vậy thì hữu vi, vô vi từ đâu sinh? Nếu có thì tên nó là gì?

Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Hư không là tánh tịch diệt. Chữ nghĩa, tên gọi đều chẳng phải là chân thật, đó là vô căn luận, chứ chẳng phải hữu căn luận.

Phật bảo Bồ-tát Di-lặc:

–Vậy làm sao nghĩa căn sinh ra vô căn luận? Bồ-tát Di-lặc thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đối với nghĩa thế tục thì căn là pháp tánh, vô căn là chứng tịnh, bất động cũng không phải là bất động, là một tướng, vô tướng, cho đến pháp hữu vi - vô vi, pháp hữu lậu - vô lậu, pháp hữu đối - vô đối, pháp sắc - pháp vô sắc, pháp khả kiến - pháp bất khả kiến, bất trụ cũng không phải bất trụ. Đó là nghĩa của vô căn.

Đức Phật dạy:

–Bồ-tát hành về không đã hiểu rõ về vô căn, bất sinh cũng không phải bất sinh; vị lai chưa đến, hiện tại không trụ, quá khứ đã diệt; không chấp trước, không đoạn, không trụ, cũng không phải không trụ.

Khi ấy, trong pháp hội có Bồ-tát tên Phân Biệt Thân Quán,
bạch

Phật:

–Bạch Thế Tôn! Con nghe Như Lai nói nghĩa vô căn: Nói
có

thân tướng, nói không có thân tướng; nói có tự tánh không, nói
không có tự tánh không. Vậy nói về nghĩa vô căn là từ trong Như
mà sinh hay không phải từ trong Như sinh ra? Nghĩa vô căn có
sinh diệt hay không có sinh diệt? Pháp hữu đối hay chẳng phải
pháp vô đối? Pháp hữu sắc hay pháp vô sắc? Pháp hữu vi hay
pháp vô vi? Pháp hữu lậu hay pháp vô lậu? Pháp hữu tướng hay
pháp vô tướng? Có thân quán hay không thân quán?

Phật bảo Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán:

–Này Bồ-tát Thân Quán! Cái gì là thân? Cái gì là quán? Thân
làm sao để hành quán này?

Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán thưa:

–Thưa Thế Tôn! Địa, thủy, hỏa, phong là thân ấm. Thức phân
biệt gọi là quán.

Đức Phật dạy:

–Nói địa thì tự thể của địa là không, nói thủy thì tự thể của thủy là
không, nói hỏa thì tự thể của hỏa là không, nói phong thì tự thể
của

phong là không, nói thức thì tự thể của thức là không, nói không thì
tự thể của không là không thì cái gì là thân, cái gì là quán?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

–Bạch Thế Tôn! Đúng vậy! Theo như lời của Thế Tôn nói: Nếu
pháp giới hư không đều vắng lặng, không có Phật mà nói Phật,
không có Pháp mà nói Pháp, không có Tăng mà nói Tăng, không
có đời này, đời sau, không có tội, không có phước thì sẽ khác
với Đại sư dạy không?

Phật bảo Bồ-tát Phân Biệt Thân Quán:

–Này Bồ-tát Thân Quán! Khi nhập vào định diệt tận, ông thấy có nhãn quán sắc, cho đến ý quán pháp không?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

–Bạch Thế Tôn! Không. Vì sao? Vì trong định diệt tận không sinh cũng không diệt.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói thì: Nhãn quán sắc. Sắc chẳng phải sắc của ngã, ngã chẳng phải sắc của nó. Thức chẳng phải thức của ngã, ngã chẳng phải thức của nó cho đến xúc.

Thanh, hương, vị, xúc, pháp cũng đều như vậy. Vì pháp chẳng phải pháp của ngã, ngã cũng chẳng phải pháp của ngã nên đối với nghĩa vô căn nó không tăng, không giảm.

Nếu căn thanh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu tướng không mà thanh tịnh thì cho đến cứu cánh không cũng đều thanh tịnh. Nếu một mà thanh tịnh thì không có hai. Nếu năm ấm tịnh, hành tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu hữu đối tịnh, vô đối tịnh, sắc tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu Bồ-tát tịnh, sáu trần tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu quyến thuộc tịnh, dòng họ tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu địa tịnh, trụ tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

–Này Bồ-tát Thân Quán! Nếu khổ tịnh, không khổ không lạc tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Nếu môn tịnh, chủng tịnh, sinh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

–Này Bồ-tát Thân Quán! Nếu đạo tràng tịnh, quốc độ tịnh, chúng

sinh tịnh thì đạo cũng thanh tịnh. Đó là nghĩa vô căn của Đại Bồ-tát. Nếu căn tịnh, lực tịnh, giác ý tịnh, đạo phẩm tịnh thì đạo cũng thanh tịnh.

Thế nào, này Bồ-tát Thân Quán! Nay Ta hỏi ông, ông hãy trả lời cho Ta: Như Lai tu tập nơi đạo tràng, ngồi bên gốc cây thọ vương,

làm thế nào để phân biệt những loài chúng sinh theo pháp hữu ký hay pháp vô ký? Nếu pháp hữu ký là cấu uế của phiền não, còn pháp vô ký cũng là cấu uế của phiền não. Vậy chẳng lẽ nên lấy vô ký để thọ ký cho chúng sinh sao?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

–Bạch Thế Tôn! Pháp hữu ký chẳng phải là cấu uế của phiền não, mà pháp vô ký cũng chẳng phải là phiền não. Vì sao? Vì cấu uế của phiền não là pháp thấp kém mà pháp hữu ký, vô ký là pháp thượng tôn. Vậy không thể lấy vô ký mà đối trị với phiền não. Vì sao? Vì pháp phiền não là hạt giống của Như Lai.

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

–Thôi, thôi! Ông chớ nói như vậy. Ông nói phiền não là pháp sinh tử, sao bây giờ lại nói là hạt giống của Như Lai?

Bồ-tát Thân Quán thưa:

–Bạch Thế Tôn! Thân của Như Lai là biến hóa chứ chẳng phải là chúng sinh. Nếu là biến hóa thì không có cõi chúng sinh trong phiền não. Giả sử từ chúng sinh mà có thân Như Lai thì cấu uế của phiền não chẳng phải là hạt giống của Như Lai sao?

Phật bảo Bồ-tát Thân Quán:

–Đúng vậy! Đúng vậy! Đúng như lời ông nói. Vì mượn danh hiệu tên chữ để có phiền não nhưng trong đệ nhất nghĩa thì không có phiền não.

Phật lại nói với Bồ-tát Thân Quán:

–Này Bồ-tát Thân Quán! Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn thường dùng thiên nhãn quán ý thức sinh niệm trong một a-tăng-kỳ của chúng sinh khắp mười phương thế giới: Có người nhiều tâm dục, có người ít tâm dục; có người nhiều tâm sân, có người ít tâm sân; có người nhiều tâm si, có người ít

tâm si; người có tâm giải thoát, người không có tâm giải thoát; người có tăng thượng mạn, người không có tăng thượng mạn; người dễ

đạt tới cứu cánh, người khó đạt đến cứu cánh. Những hạng người này Bồ-tát đều biết, đều quán hết tất cả rồi đến độ họ.

Làm thế nào mà Bồ-tát dùng thiên nhãn quán biết người dục ít, biết người dục nhiều? Nghĩa là trong số người ấy, Bồ-tát hiện hình dâm nữ nói việc dâm dục với họ, tạo mọi hoan lạc khó quên, nhìn không nhàm chán, khiến cho ý dục của họ càng thêm vui thích. Sau đó, từ từ nói với họ: “Thân là ô uế, vô thường, vô ngã, khổ, không, chẳng phải là thân; dục là hầm lửa thiêu cháy tâm thức...” để họ nhàm chán, lo sợ, không còn tham dục nữa. Những chúng sinh này ở trong thai liền được thọ ký đạo vô thượng.

Này Bồ-tát Thân Quán! Ông nên biết: Nếu như chúng sinh này không sân giận, ngu si, đoạn dục thì được đạo. Hoặc có Bồ-tát kết bạn cùng với đám người ấy, nói nghiệp sát sinh để họ vui thích khó quên: “Ôi, vui thay! Sát sinh là làm giảm tuổi thọ của ông, còn tôi thì tăng tuổi thọ”. Sau đó từ từ nói cho họ nghe: “Sát sinh thì mắc tội rất nặng”, nói cho họ một trăm lẻ tám tội nặng sát sinh rất là khổ não, rồi dẫn dắt họ vào đạo, không còn chút dục si. Những người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát kết bạn cùng với đám người kia giảng nói mười đạo bất thiện, thân giáo, khẩu giáo, ý giáo đều bất thiện, cho chân thật là hư nguy, vô thường cho là thường, không cho là thật có, không có thân nói rằng có thân, khổ cho là vui, không có thể gian nói rằng có thể gian. Sau đó, từ từ nói với họ về vô lượng biện tài, trí sâu rộng lớn, thấu triệt hết tất cả pháp, dựng cờ pháp cho họ rồi từ từ dẫn vào rừng trí tuệ: “Các người nên biết, nếu có ai còn nghi ngờ về ta thì nên lấy lửa trí tuệ đốt tâm nghi ngờ của người ấy. Nếu người bố thí tay cầm của cải, có người thọ nhận mà hiểu rõ ba việc ấy là không, không có sở hữu, người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng”.

Thấy người giữ giới, giới phẩm thành tựu, không phạm một mảy may nào, hiểu rõ tất cả là vắng lặng, không có sở hữu, người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Hoặc có chúng sinh tâm luôn nhẫn nhục, không sân giận, nếu có người đến cắt, xẻ, giết, nhưng tâm không khởi chút

tưởng giận, cho đến đầu, mắt, tủy, não bị cắt xẻ vẫn không chút luyến tiếc oán giận. Người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có chúng sinh tâm như kim cương, không gì có thể hủy hoại được, giả sử có người dùng lời dịu ngọt dẫn dụ: “Kiếp số khó lường, luân hồi trong sinh tử khó có thể tránh khỏi, sao không tự độ mà lại thay thế chịu khổ nhọc cho chúng sinh” nhưng tâm Bồ-tát ấy vẫn tiến lên, không bao giờ thoái chuyển để rơi vào sinh tử. Người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có người hành thiền, tâm thức bất động, ma Ba-tuần ở trên hư không làm sấm sét dữ dội, nhưng tâm Bồ-tát không bị lay động một mảy lông nào cả, hướng chí là làm cho vị ấy thoái bỏ đạo thiền. Vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Nếu có chúng sinh phân biệt các hành, điều này có thể hành, điều kia không thể hành. Nếu người nào tham đắm, yêu mến thân thì liền nói cho họ về bốn pháp ý chỉ, phân biệt rõ ràng về kho tàng cốt yếu của các pháp, nêu bày, giảng nói về vô lượng pháp giới. Người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Từ, thấy các loài chúng sinh đầy khắp cả vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa cõi ở phương Đông, rồi đem lòng từ bi thương xót muốn họ được giải thoát. Ví như lấy từng hạt cát trong sông Hằng đi qua hằng hà sa cõi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm từ không tận. Bồ-tát phát nguyện kiên cố khó lay động. Giả sử có người đến lấy thân Bồ-tát, tháo cắt xẻ từng miếng để đầy khắp ba ngàn đại thiên quốc độ, nhưng Bồ-tát thấy máu biến thành sữa, giống như mẹ yêu con. Đó là Bồ-tát hành Tam-muội Từ, người này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập Tam-muội Bi với lòng từ bi thương xót, muốn các loài chúng sinh trong vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa cõi ở phương Nam được giải thoát, lấy từng hạt cát trong sông Hằng đi qua hằng hà sa cõi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm bi không tận; kham chịu thay những chúng sinh bị khổ kia. Tất cả đều là sự thể nguyện kiên cố của Bồ-tát.

Chúng sinh nào thấy với tâm thanh tịnh thì xa lìa các khổ, đoạn hẳn vọng tưởng, vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Hỷ, với lòng nghĩ nhớ đến hỷ, muốn cho các loài chúng sinh nơi vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa côi ở phương Tây được giải thoát, lấy từng hạt cát trong sông Hằng, cứ qua hằng hà sa côi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm hỷ không tận. Nếu chúng sinh ấy nhập vào tâm hỷ thì tự mình vui thích. Đây đều là Bồ-tát phát tâm kiên cố. Vị ấy ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Có Bồ-tát nhập vào Tam-muội Xả, lo sợ cho vô lượng vô hạn a-tăng-kỳ hằng hà sa chúng sinh ở phương Bắc có hạnh thiếu sót, phân tán, liền nuôi dưỡng, ủng hộ, không cho họ bị chìm đắm; lấy từng hạt cát trong sông Hằng, cứ đi qua hằng hà sa côi thả xuống một hạt, như vậy cát sông Hằng tận nhưng tâm xả không tận. Đây đều là Bồ-tát thệ nguyện kiên cố. Vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

Đối với lòng đại từ đại bi, tu pháp chân thật của Bồ-tát thì chẳng phải là nẻo hành hóa của La-hán, Phật-bích-chi. Bồ-tát muốn cho tất cả chúng sinh khắp bốn phương một khi nghe âm thanh liền tìm tiếng mà đến. Đây đều là thệ nguyện kiên cố của Bồ-tát. Vị này ở trong thai liền thành đạo vô thượng.

